CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2013

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Số: 156/2013/HĐ-TTKĐ

Gói thầu số 3: Quản lý dự án xây dựng công trình
Công trình: Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành

GIỮA

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC GIANG

VÀ

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TỈNH BẮC GIANG

BẮC GIANG, THÁNG 8 NĂM 2013

MỤC LỤC

Phần 1	Căn cứ ký kết hợp đồng	2
Phần 2	Các điều khoản và điều kiện của hợp đồng	2
Điều 1	Các định nghĩa và diễn giải	3
Điều 2	Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	4
Điều 3	Luật và ngôn ngữ sử dụng	4
Điều 4	Nội dung và khối lượng công việc	4
Điều 5	Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật	5
Điều 6	Nghiệm thu sản phẩm	5
Điều 7	Thời gian thực hiện Hợp đồng	6
Điều 8	Giá Hợp đồng, tạm ứng và quyết toán	6
Điều 9	Điều chỉnh giá hợp đồng	7
Điều 10	Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu	7
Điều 11	Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư	8
Điều 12	Nhân lực của nhà thầu	8
Điều 13	Bảo hiểm	9
Điều 14	Rủi ro và bất khả kháng	9
Điều 15	Tạm ngừng công việc trong hợp đồng	9
Điều 16	Chấm dứt hợp đồng	9
Điều 17	Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng	10
Điều 18	Khiếu nại và giải quyết tranh chấp	10
Điều 19	Điều khoản chung	11

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BXD ngày 28 tháng 6 năm 2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn mẫu hợp đồng một số công việc tư vấn xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-SXD ngày 27/8/2013 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu số 3 'Quản lý dự án xây dựng công trình' thuộc công trình 'Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành';

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày 27/8/2013 giữa Sở xây dựng tỉnh Bắc Giang và Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng về việc tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình 'Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành'.

PHẦN 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 27 tháng 8 năm 2013 tại Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu - gọi tắt là Bên A):

- Tên giao dịch: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang.
- Người đại diện: ông **Phạm Giang** Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: số 34 đường Hùng Vương, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Số tài khoản: .....tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang.
- Điện thoại : 0240.3.854.403 Fax : 0240.3.554.778.

2. Nhà thầu tư vấn (Bên nhận thầu - gọi tắt là Bên B):

- Tên giao dịch: Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang;
- Người đại diện: ông **Nguyễn Văn Đô** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Tầng 4 số 1, đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang.
- Tài khoản số: 102010000445025 tại Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Bắc Giang. Mã số thuế : 2400 299 571
- Điện thoại: 0240.3.554.708 - 0240.3.829.659 Fax: 0240.3.554.716
- Quyết định thành lập số 56/QĐ-UB ngày 23/7/2003 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định bổ sung, sửa đổi chức năng nhiệm vụ số 75/QĐ-UBND ngày 29/11/2006 và số 416/QĐ-UBND ngày 31/10/2011.

Các bên cùng thống nhất thoả thuận các nội dung như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- **Chủ đầu tư** là Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang.

- **Nhà thầu** là Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang.

- **Công trình** là Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành.

- **Gói thầu** là Gói thầu số 3 - "Quản lý dự án xây dựng công trình".

- **Đại diện chủ đầu tư** là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc

- **Đại diện nhà thầu** là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.

- **Hợp đồng** là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

- **Ngày** được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

- **Ngày làm việc** là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

- **Bất khả kháng** được định nghĩa tại Điều 24 [Rủi ro và bất khả kháng]

- **Luật** là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản của Hợp đồng .

Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Biên bản thương thảo hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu;

4. Hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư, Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu tư vấn.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

- Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

- Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 4. Nội dung và khối lượng công việc

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu tư vấn:

- Bên A giao cho Bên B thực hiện công việc tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình 'Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành' phù hợp với các nội dung của dự án đầu tư và Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

- Thời gian thực hiện: Từ khi ký hợp đồng đến khi phê duyệt quyết toán công trình;

- Tiến độ thực hiện: Nhà thầu tư vấn quản lý dự án lập tiến độ thực hiện công việc chi tiết cho từng gói thầu xây lắp, thiết bị..

2. Các nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình;

- Tổ chức việc lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu trong kế hoạch đấu thầu được phê duyệt;

- Tổ chức việc quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng;

- Tổ chức việc đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường của công trình;

- Tổ chức việc lập định mức, đơn giá xây dựng công trình;

- Tổ chức việc nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; lập Báo cáo quyết toán công trình để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổ chức việc nghiệm thu, bàn giao công trình;

- Khởi công, khánh thành, tuyên truyền quảng cáo;

- Tổ chức việc thực hiện các công việc quản lý khác.

Điều 5. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

Đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Nghị định 15/2013/NĐ-CP, Thông tư 10/2013/TT-BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành:

a. Chất lượng và các yêu cầu công việc quản lý dự án:

Đơn vị tư vấn quản lý dự án phải đảm bảo chất lượng công việc thực hiện (trừ các nội dung: phê duyệt thiết kế xây dựng công trình, phê duyệt kết quả đấu thầu và lựa chọn nhà thầu…) các nội dung sau:

- Lựa chọn các nhà thầu đủ điều kiện năng lực để thực hiện các hoạt động xây dựng công trình; chấp thuận các nhà thầu phụ tham gia hoạt động xây dựng công trình do nhà thầu chính hoặc tổng thầu đề xuất theo quy định của hợp đồng;

- Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại khoản 5, 6, 7 Điều 18 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan;

- Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 24 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan đến chủ đầu tư tại Thông tư 10/2013/TT-BXD;

- Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư 10/2013/TT-BXD;

- Tổ chức thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Chương V Nghị định 15/2013/NĐ-CP;

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định tại Điều 28 Thông tư 10/2013/TT-BXD;

- Giải quyết sự cố theo quy định tại Chương VI Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư 10/2013/TT-BXD;

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

b. Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Điều 6. Nghiệm thu sản phẩm

Nghiệm thu sản phẩm xây dựng được tiến hành sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm xây dựng. Những

sai sót trong sản phẩm xây dựng nhà thầu phải chịu trách nhiệm và có phương án hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong Hợp đồng.

Điều 7. Thời gian thực hiện Hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ khi ký hợp đồng đến khi hoàn thành, phê duyệt quyết toán công trình.

- Thời gian chuyên gia bắt đầu làm việc: Ngay sau khi ký hợp đồng.

Điều 8. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh, quyết toán

1. Giá Hợp đồng:

Giá trị xây lắp và thiết bị trước thuế của công trình tính theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 1196/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 là 81.343.533.230đ và 6.163.225.273đ:

- Chi phí tư vấn quản lý dự án:

(81.343.533.230+6.163.225.273) * 1,626% * 1,1 = 1.565.145.883 đ

- Giảm trừ tiết kiệm 3%: = 46.954.376 đ

Cộng giá hợp đồng: 1.518.191.507 đ

Làm tròn: 1.518.192.000 đ

(Một tỷ năm trăm mười tám triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Giá trị hợp đồng trên là tạm tính do chưa có giá trị dự toán xây lắp, thiết bị chính xác; Giá trị thanh, quyết toán hợp đồng sẽ được tính theo giá trị xây lắp, thiết bị tại các quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm.

- Đơn giá thanh toán của hợp đồng là tỷ lệ phần trăm đã ghi ở trên (1,626%) của giá trị xây lắp hạng mục chính và hạng mục phòng chống mối công trình;

- Giá trị trên đã bao gồm: Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng; Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt và các chi phí khác có liên quan.

2. Tạm ứng và thanh toán:

- Số tiền Bên A tạm ứng cho Bên B là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) được chia làm nhiều đợt theo kế hoạch bố trí vốn; số tiền tạm ứng của các đợt đảm bảo không được vượt quá 30% kế hoạch vốn được bố trí hàng năm; Số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi giá trị khối lượng thanh toán đạt giá trị 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng); tỷ lệ thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán là tỷ lệ giữa giá trị đã tạm ứng trên giá trị một tỷ một trăm triệu đồng.

- Tạm ứng đợt 1 (năm 2013): Sau khi ký hợp đồng, chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu số tiền là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Tiền tạm ứng đợt 1 sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ dần trong các lần thanh toán, giá trị giảm trừ mỗi lần thanh toán là 30% khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán.

- Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng theo quy định về Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư, Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà

thầu hoặc Rủi ro và bất khả kháng (tuỳ từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

- Thanh toán hợp đồng: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo tỷ lệ phần trăm giá trị khối lượng xây lắp thực tế hoàn thành của các gói thầu sau khi đã khấu trừ các khoản tiền tạm ứng; Bên A thanh toán cho Bên B tối đa 90% giá trị hợp đồng, số tiền còn lại sẽ được hoàn trả sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán; Giá trị thanh toán căn cứ theo kế hoạch vốn được giao.

3. Quyết toán:

Sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, trong vòng 120 ngày Nhà thầu phải gửi Hồ sơ quyết toán hợp đồng, Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng tới Chủ đầu tư; trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình của cấp có thẩm quyền, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho nhà thầu đồng thời các bên tiến hành làm thủ tục thanh lý hợp đồng theo quy định.

- Hồ sơ quyết toán hợp đồng gồm: Văn bản hợp đồng; Biên bản thương thảo hợp đồng; Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu; Hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư, Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu tư vấn; Bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành được các bên xác nhận; Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có); Đề nghị thanh, quyết toán của nhà thầu.

- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng gồm các nội dung theo phụ lục 5 Thông tư 10/2013/TT-BXD và Hồ sơ quyết toán của tất cả các gói thầu, hạng mục công trình hoàn thành;

Điều 9. Thay đổi và điều chỉnh giá hợp đồng

- Chi phí phát sinh chỉ được tính nếu công việc của đơn vị tư vấn giám sát gia tăng phạm vi công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

- Nếu những trường hợp phát sinh hoặc có xu hướng phát sinh, đơn vị tư vấn giám sát sẽ thông báo cho chủ đầu tư trước khi thực hiện công việc. Không có chi phí phát sinh nào được thanh toán trừ khi được chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành công việc;

- Chi phí phát sinh sẽ được thỏa thuận và thanh toán giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn. Việc tính toán chi phí phát sinh sẽ căn cứ trên cơ sở tính toán Giá hợp đồng và các thỏa thuận về việc điều chỉnh Giá hợp đồng khi có các thay đổi cho phép tính toán chi phí phát sinh.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của nhà thầu:

- Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung công việc tư vấn.

- Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

- Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán theo quy định trong hợp đồng,

2. Nghĩa vụ, trách nhiệm của nhà thầu:

- Phải lập đề cương thực hiện công việc tư vấn quản lý dự án;

- Đảm bảo điều hành và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành nhằm hoàn thành đúng tiến độ, đúng thiết kế, đảm bảo chất lượng và an toàn;

- Phải đảm bảo thực hiện và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm công việc của mình. Công việc được thực hiện bởi tư vấn quản lý dự án phải do các nhà chuyên môn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật, trình độ thực hiện, đáp ứng yêu cầu của dự án.

- Tư vấn quản lý dự án sẽ thực hiện một cách chuyên nghiệp các công việc được đề cập đến trong hợp đồng này bằng tất cả các kỹ năng phù hợp, sự thận trọng, sự chuyên cần và thích ứng với các yêu cầu của chủ đầu tư để hoàn thành dự án. Tư vấn quản lý dự án sẽ luôn luôn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến dự án cho chủ đầu tư.

- Tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm thường xuyên quản lý, giám sát, đôn đốc các nhà thầu, các nhà tư vấn khác đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã được đề ra, đảm bảo chất lượng và an toàn của toàn bộ dự án;

- Bố trí đầy đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu của dự án;

- Có trách nhiệm thực hiện nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán, quyết toán công trình đảm bảo tính chính xác của giá trị, khối lượng thực hiện theo các chế độ chính sách hiện hành;

- Soạn thảo các văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư về sản phẩm quản lý dự án xây dựng công trình.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư:

- Không nghiệm thu khi sản phẩm tư vấn quản lý dự án không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

- Kiểm tra công việc tư vấn giám sát thi công của nhà thầu nếu thấy cần thiết.

- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung các sản phẩm tư vấn.

- Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư :

- Tạo điều kiện tốt nhất có thể về các thủ tục để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn.

- Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến công trình; Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn giám sát thi công.

- Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn giám sát thi công và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn.

- Thanh toán cho nhà thầu theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

- Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với công việc để làm việc với nhà thầu.

Điều 12. Nhân lực của nhà thầu

- Nhà thầu phải huy động tất cả các chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong HSĐX trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận

khác. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

- Có các chức danh về công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện công việc tư vấn giám sát thi công; trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đảm bảo yêu cầu về nhân sự trong hợp đồng.

- Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 13. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

- Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

- Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh.

- Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

+ Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất.

+ Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng.

- Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng: các khoản chi phí phát sinh hợp lý do nhà thầu phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được chủ đầu tư xem xét để thanh toán.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư:

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu; Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

- Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mặc dù công trình được bố trí nguồn vốn đầy đủ, Nhà thầu sẽ thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc theo hợp đồng.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Nhà thầu không tuân thủ với thông báo theo nội dung tạm ngừng nêu trên.

- Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo quy định về thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng; Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ý định không tiếp tục thực hiện công việc theo Hợp đồng.

- Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

- Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ.

- Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 10 ngày trong trường hợp chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo Hợp đồng sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mặc dù công trình đã được bố trí nguồn vốn đầy đủ.

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

- Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

- Phạt vi phạm hợp đồng

+ Đối với nhà thầu:

Nhà thầu quản lý dự án (không có lý do chính đáng hoặc không do rủi ro và bất khả kháng) làm chậm tiến độ thi công 30 ngày thì phạt 3% giá trị phần hợp đồng bị chậm, cứ 30 ngày tiếp theo sẽ phạt mỗi tháng 3% phần giá trị hợp đồng bị chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng được ký kết.

Trong vòng 120 ngày kể từ khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng Nhà thầu tư vấn quản lý dự án phải bàn giao toàn bộ Hồ sơ quyết toán, Hồ hoàn thành công trình xây dựng cho Chủ đầu tư; nếu quá thời hạn trên cứ mỗi tháng phạt 3% phần giá trị hợp đồng được ký kết nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng được ký kết.

+ Đối với chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn.

Điều 18. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

- Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

- Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên

Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

- Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 19. Điều khoản chung

- Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định của Hợp đồng này.
- Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 11 trang và Phụ lục kèm theo hợp đồng; Hợp đồng được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 08 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU	ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU
Giám đốc	Giám đốc
Phạm Giang	Nguyễn Văn Đô

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2013

BIÊN BẢN
THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Gói thầu số 3: Quản lý dự án xây dựng công trình
Công trình: Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành

Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khoá XI; Luật số 38/ 2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản của Luật xây dựng số 16/2003/QH11, Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng; Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/2/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành; Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu thuộc dự án: Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-SXD ngày 27/8/2013 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu số 3 'Quản lý dự án xây dựng công trình' thuộc công trình 'Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành';

Hôm nay, ngày 27 tháng 8 năm 2013 tại Trụ sở Sở xây dựng tỉnh Bắc Giang, chúng tôi gồm có:

I. Các bên ký thương thảo hợp đồng:

1. Đại diện bên giao thầu (Gọi tắt là Bên A):

- Tên đơn vị : Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang;
- Đại diện là : ông **Vi Thanh Quyền**Chức vụ: Phó Giám đốc;
- Địa chỉ : đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Tài khoản số : .....tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang;
- Điện thoại : 0240.3.854403 Fax : 0240.3.554778.

2. Đại diện bên nhận thầu (Gọi tắt là Bên B):

- Tên đơn vị : Trung tâm kiểm định chất lượng CTXD tỉnh Bắc Giang;
- Đại diện là : ông **Nguyễn Văn Đô** Chức vụ: Giám đốc;
- Địa chỉ : Tầng 4 số 1, đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang;

- Điện thoại : 0240.3.554.708 - 0240.3.829.659 Fax: 0240.3.554.716;

- Tài khoản số: 102 010 000 445 025 tại Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Bắc Giang; Mã số thuế : 2400 299 571;

II. Nội dung:

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu tư vấn:

- Bên A giao cho Bên B thực hiện công việc tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình 'Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành' phù hợp với các nội dung của dự án đầu tư và Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

- Thời gian thực hiện: Từ khi ký hợp đồng đến khi phê duyệt quyết toán công trình;

- Tiến độ thực hiện: Nhà thầu tư vấn quản lý dự án lập tiến độ chi tiết cho từng gói thầu xây lắp, thiết bị..;

2. Các nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình;

- Tổ chức việc lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu trong kế hoạch đấu thầu được phê duyệt;

- Tổ chức việc quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng;

- Tổ chức việc đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường của công trình;

- Tổ chức việc lập định mức, đơn giá xây dựng công trình;

- Tổ chức việc nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; lập Báo cáo quyết toán công trình để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổ chức việc nghiệm thu, bàn giao công trình;

- Khởi công, khánh thành, tuyên truyền quảng cáo;

- Tổ chức việc thực hiện các công việc quản lý khác.

3. Chất lượng và các yêu cầu công việc quản lý dự án:

Đơn vị tư vấn quản lý dự án phải đảm bảo chất lượng công việc thực hiện (trừ các nội dung: phê duyệt thiết kế xây dựng công trình, phê duyệt kết quả đấu thầu và lựa chọn nhà thầu…) các nội dung sau:

- Lựa chọn các nhà thầu đủ điều kiện năng lực để thực hiện các hoạt động xây dựng công trình; chấp thuận các nhà thầu phụ tham gia hoạt động xây dựng công trình do nhà thầu chính hoặc tổng thầu đề xuất theo quy định của hợp đồng;

- Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại khoản 5, 6, 7 Điều 18 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan;

- Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 24 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan đến chủ đầu tư tại Thông tư 10/2013/TT-BXD;

- Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư 10/2013/TT-BXD;

- Tổ chức thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Chương V Nghị định 15/2013/NĐ-CP;

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định tại Điều 28 Thông tư 10/2013/TT-BXD;

- Giải quyết sự cố theo quy định tại Chương VI Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư 10/2013/TT-BXD;

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

4. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán:

a. Giá Hợp đồng(đã bao gồm VAT 10%): 1.518.192.000 đ

(Một tỷ năm trăm mười tám triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Trong đó: Giá trị xây lắp và thiết bị trước thuế của công trình tính theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 1196/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 là 81.343.533.230đ và 6.163.225.273đ:

Chi phí tư vấn quản lý dự án:

(81.343.533.230+6.163.225.273) * 1,626% * 1,1 = 1.565.145.883 đ

Giảm trừ tiết kiệm 3%: = 46.954.376 đ

Cộng giá hợp đồng: 1.518.191.507 đ

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm.

- Đơn giá thanh toán của hợp đồng là tỷ lệ phần trăm đã ghi ở trên (1,71%) của giá trị xây lắp hạng mục chính và hạng mục phòng chống mối công trình;

- Giá trị trên đã bao gồm: Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng; Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt và các chi phí khác có liên quan.

b. Tạm ứng :

- Số tiền Bên A tạm ứng cho Bên B là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) được chia làm nhiều đợt theo kế hoạch bố trí vốn; số tiền tạm ứng của các đợt đảm bảo không được vượt quá 30% kế hoạch vốn được bố trí hàng năm; Số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi giá trị khối lượng thanh toán đạt giá trị 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng); tỷ lệ thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán là tỷ lệ giữa giá trị đã tạm ứng trên giá trị một tỷ một trăm triệu đồng.

- Tạm ứng đợt 1 (năm 2013): Sau khi ký hợp đồng, chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu số tiền là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Tiền tạm ứng đợt 1 sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ dần trong các lần thanh toán, giá trị giảm trừ mỗi lần thanh toán là 30% khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán.

c. Thanh toán hợp đồng: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo tỷ lệ phần trăm giá trị khối lượng xây lắp thực tế hoàn thành của các gói thầu sau khi đã khấu trừ các khoản tiền tạm ứng; Bên A thanh toán cho Bên B tối đa 90% giá trị hợp đồng, số tiền còn lại sẽ được hoàn trả sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán; Giá trị thanh toán căn cứ theo kế hoạch vốn được giao.

d. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

e. Đồng tiền thanh toán: tiền Việt Nam

Biên bản này được các bên thống nhất thông qua. Biên bản này được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở để thực hiện việc chỉ định thầu và ký kết Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A **Phó Giám đốc**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **Giám đốc**
SỞ XÂY DỰNG	TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG BẮC GIANG
Vi Thanh Quyền	**Nguyễn Văn Đô**